

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST

Ngày: 25/10/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Đức Chính**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Phi Đĩnh**

Bà **Võ Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trang, kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2019/TLST-KDTM ngày 26/8/2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐST- KDTM ngày 04/10/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;** Địa chỉ: ...66 - ...68 N, Phường ...8, Quận ...3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Đình H - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP S chi nhánh Hà Tĩnh (theo văn bản ủy quyền số 52/2019/GUQ-CNHT ngày 26/6/2019), có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Công ty TNHH Thương mại T; Địa chỉ: số ...12, ngõ ...1, đường L, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1957; Trú tại: tổ ...8, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1957; Trú tại: tổ ...8, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1957; Trú tại: tổ ...8, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

2. Bà **Đậu Thị X**, sinh năm 1961; Trú tại: tổ ...8, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 28/4/2017 Công ty TNHH Thương mại T (sau đây viết tắt Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng LD1711800004; thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1711800004 - 01 ký ngày 23/3/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1711800004 - 02 ngày 22/6/2018 với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Hà Tĩnh (sau đây viết tắt là Ngân hàng) vay 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng), lãi suất 03 tháng đầu tiên 9%/năm, tại thời điểm bắt đầu tháng 4 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng lãi cuối kỳ + biên độ 1.8%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần; Và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất được điều chỉnh trong từng thời kỳ nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay ông Nguyễn Đức H và vợ là Đậu Thị X thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số ...5, tờ bản đồ số ...8, địa chỉ khối ...3 phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T...8656 ngày 10/4/2002 mang tên ông Nguyễn Đức H; ông Nguyễn Đức B và bà Nguyễn Thị H thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD...3234 ngày 07/01/2016 mang tên Nguyễn Đức B và Nguyễn Thị H; Công ty T thế chấp 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu FOTON biển kiểm soát 38C-...098. Hiện tại Công ty T đã thỏa thuận xử lý và rút 02 tài sản bảo đảm còn 01 tài sản bảo đảm đang đảm bảo là Quyền sử dụng đất và 01 ngôi nhà 2 tầng, tổng diện tích sử dụng khoảng 200m², tại thửa đất số ...5, tờ bản đồ số ...8, địa chỉ: khối phố ...3 (nay là khối phố 5), phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T...8656 do UBND thị xã H (nay là thành phố H) cấp ngày 10/04/2002 mang tên Nguyễn Đức H. Từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng số vốn gốc: **1.986.084.241 đồng và 515.954.357 đồng** tiền lãi. Sau đó ngân hàng tìm kiếm thông tin khách hàng để làm việc, tìm phương án xử lý nhưng không liên lạc được, hiện nay khách hàng và các bên có quyền, nghĩa vụ liên quan đi khỏi nơi cư trú. Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 23/7/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/10/2019, Công ty T còn nợ Ngân hàng là: 1.779.490.647 đồng, trong đó: nợ gốc 1.713.915.759 đồng, lãi trong hạn 43.716.591 đồng, lãi quá hạn, lãi phạt 21.858.297 đồng.

Ngày 17/04/2014 ông Nguyễn Đức H ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng Family vay tiêu dùng qua thẻ, hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng. Lãi suất cho vay do Tổng giám đốc hoặc người có thẩm quyền của Ngân hàng quy định trong từng thời kỳ và có biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng là 31.2%/năm. Tính đến ngày 25/10/2019 ông Nguyễn Đức H dư nợ là 51.841.653 đồng trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.793.815 đồng, các khoản phí phát sinh 1.047.838 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Công ty T và ông Nguyễn Đức H trả nợ nói trên, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định. Việc thụ lý đơn, lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; điểm a, b, g khoản 1 Điều 40; khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 463, 465, 468, 299, 317, 318, 323 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 167, 168 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 144, 145 Luật nhà ở; Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ điểm c, d khoản 2 điều 24; điểm đ khoản 1 điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam; Căn cứ Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xét xử vắng mặt đối với bị đơn Công ty T, ông Nguyễn Đức H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức H, bà Đậu Thị X.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Công ty TNHH Thương mại T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 25/10/2019 là: **1.779.490.647 đồng**, trong đó: nợ gốc 1.713.915.759 đồng, lãi trong hạn 43.716.591 đồng, lãi quá hạn, lãi phạt 21.858.297 đồng. Buộc ông Nguyễn Đức H trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 25/10/2019 là: 51.841.653 đồng trong đó nợ

gốc là 45.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.793.815 đồng, các khoản phí phát sinh 1.047.838 đồng.

- Bị đơn Công ty T và ông Nguyễn Đức H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán số nợ và xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản nên được xác định là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có địa chỉ, nơi cư trú và tài sản thế chấp là bất động sản tại thành phố H và tại Điều 15 của Hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận khi có tranh chấp được giải quyết tại Tòa án nơi bên A đóng trụ sở hoặc toàn quyền lựa chọn Tòa án khác theo quy định của pháp luật nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39; điểm a, b, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn là Công ty T không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký, khi Tòa án thụ lý vụ án trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì Công ty T đang hoạt động và theo văn bản số 43/ĐKKD-CV ngày 14/10/2019 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Hà Tĩnh thông tin về Công ty, mã số doanh nghiệp, trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật chưa có sự thay đổi. Ngân hàng đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo xác nhận của chính quyền địa phương và ông Nguyễn Đức P (em trai ông H) ông Nguyễn Đức H và bà Đậu Thị X không có mặt tại địa phương không biết làm gì, ở đâu. Bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, không thông báo nơi cư trú, địa chỉ mới cho nguyên đơn và cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án xác định người đại diện theo pháp luật của bị đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình dấu địa chỉ. Theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở lại phiên tòa trên Báo nhân dân, đài tiếng nói Việt Nam và cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao nhưng không có tin tức gì về ông H và bà X. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Do giao dịch dân sự giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Đức H được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực. Giao dịch dân sự giữa Ngân hàng và ông Công ty T được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự 2015 đã có hiệu lực nên

Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5]. Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng với Công ty T và ông Nguyễn Đức H đúng với chức năng hoạt động của ngân hàng thương mại. Hợp đồng tín dụng LD1711800004 ngày 28/4/2017; thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1711800004 - 01 ký ngày 23/3/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1711800004 - 02 ngày 22/6/2018 ký kết hai bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ số LD 1908100203 ngày 22/3/2019, lãi suất 03 tháng đầu tiên 9%/năm. Tại thời điểm bắt đầu tháng 4 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng lãi cuối kỳ + biên độ 1.8%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần; và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất được điều chỉnh trong từng thời kỳ nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn giữa các bên là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vì vậy, hợp đồng tín dụng, hợp đồng cho vay nói trên có giá trị pháp lý buộc các bên phải thi hành. Trên cơ sở các hợp đồng ký kết, bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 25/10/2019, Công ty T còn nợ Ngân hàng là **1.779.490.647 đồng**, trong đó: nợ gốc 1.713.915.759 đồng, lãi trong hạn 43.716.591 đồng, lãi quá hạn, lãi phạt 21.858.297 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là có căn cứ được chấp nhận. Kể từ ngày 26/10/2019 bên vay còn phải chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

[6]. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng Family vay tiêu dùng qua thẻ được ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Đức H hạn mức tín dụng mong muốn 50.000.000 đồng. Lãi suất cho vay do Tổng giám đốc hoặc người có thẩm quyền của Ngân hàng quy định trong từng thời kỳ và có biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng của S là 31.2%/năm là phù hợp Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Vì vậy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng nói trên có giá trị pháp lý buộc các bên phải thi hành. Trên cơ sở hợp đồng ký kết, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 25/10/2019 ông Nguyễn Đức H nợ Ngân hàng là 51.841.653 đồng trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.793.815 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là có căn cứ được chấp nhận. Kể từ ngày 26/10/2019 bên vay còn phải chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

[7] Xét hợp đồng thế chấp số LD 1711800004/HĐTC ngày 23/3/2018, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng, đã được công chứng và đã được đăng ký theo quy định của pháp luật, đất, nhà không có tranh chấp, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 299, 317, 318, 323 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167, 168 Luật Đất đai năm 2013; Điều 144, 145 Luật nhà ở nên có hiệu lực pháp luật. Theo kết quả

xem xét thẩm định tại chỗ thì đất và tài sản gắn liền với đất từ khi ông H và bà X thế chấp đến nay không sửa chữa cải tạo, đất, nhà không tranh chấp, hiện trạng đất đúng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T...8685 do UBND thị xã H cấp ngày 10/4/2002 mang tên Nguyễn Đức H. Điểm a, c khoản 1 Điều 1 của hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp trên đảm bảo cho tất cả nghĩa vụ trả nợ cho tất cả các hợp đồng tín dụng và văn bản tín dụng mà Ngân hàng ký với Công ty T, tại khoản 2 Điều 1 Hợp đồng thế chấp tài sản bằng tài sản của bên thứ ba số LD 1711800004/HĐTC ngày 23/3/2018 tài sản chỉ đảm bảo cho khoản vay tối đa 2.100.000.000 đồng và các khoản phải trả khác theo hợp đồng tín dụng. Do bên thế chấp tài sản vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo quy định tại Điều 299, 317, 318, 323 Bộ luật dân sự năm 2015; theo thỏa thuận của các bên tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng thế chấp, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và chi phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng LD1711800004; thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1711800004 - 01 ký ngày 23/3/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1711800004 - 02 ngày 22/6/2018 là có căn cứ được chấp nhận.

[8]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về án phí: Công ty TNHH Thương mại T phải chịu 65.384.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Đức H phải chịu 2.592.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S 31.870.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001269 ngày 22/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; điểm a, b, g khoản 1 Điều 40; khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 463, 465, 468, 299, 317, 318, 323 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 167, 168 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 144, 145 Luật nhà ở;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm c, d khoản 2 điều 24; điểm đ khoản 1 điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với bị đơn Công ty TNHH Thương mại T, ông Nguyễn Đức H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức H, bà Đậu Thị X.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn Công ty TNHH Thương mại T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 25/10/2019 là: **1.779.490.647 đồng**, trong đó: nợ gốc 1.713.915.759 đồng, lãi trong hạn 43.716.591 đồng, lãi quá hạn, lãi phạt 21.858.297 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Đức H trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 25/10/2019 là: 51.841.653 đồng trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.793.815 đồng, các khoản phí phát sinh 1.047.838 đồng.

Kể từ ngày 26/10/2019 Công ty TNHH Thương mại T còn phải chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và các chi phí phát sinh mà hai bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng LD1711800004; thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1711800004 - 01 ký ngày 23/3/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1711800004 - 02 ngày 22/6/2018. Ông Nguyễn Đức H còn phải chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng mà ông Nguyễn Đức H đã ký kết với Ngân hàng TMCP S tín ngày 17/4/2014.

3. Hợp đồng thế chấp số LD 1711800004/HĐTC ngày 23/3/2018 giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Đức H bà Đậu Thị X có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất thửa đất tại thửa đất ...5, tờ bản đồ số ...8, địa chỉ: khối phố ...3 (nay là khối phố ...5), phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T...8656 do UBND thị xã H (nay là thành phố H) cấp ngày 10/04/2002 mang tên Nguyễn Đức H để thu hồi các khoản nợ của Công ty TNHH T theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc Công ty TNHH Thương mại T phải chịu 65.384.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông Nguyễn Đức H phải chịu 2.592.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S 31.870.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001269 ngày 22/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh.

5. *“Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đức Chính